

Số: /QĐ-UBND  
DỰ THẢO

Lào Cai, ngày tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương  
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo  
và các đối tượng Chính sách trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ Về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định một số nội dung về quản lý nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày ..... tháng .... năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng Chính sách trên địa bàn tỉnh Lào Cai.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2025.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

b) Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước khu vực IV; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lào Cai; Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc Chi nhánh tỉnh Lào Cai; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, phó CVP UBND tỉnh;
- Công báo, Cổng TTĐT, Báo và PTTH tỉnh
- Lưu VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Anh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày ...../...../2025)*

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Thông tư số 11/2017/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC và các văn bản quy định hiện hành.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

### **Điều 3. Nguyên tắc cho vay**

1. Việc cho vay phải bảo đảm đúng đối tượng và đủ điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này.

2. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ cả gốc và lãi đúng hạn đã ghi trong hợp đồng/sổ vay vốn/khế ước vay vốn.

3. Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách không đúng mục đích.

### **Điều 4. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác**

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương đã ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Hợp đồng ủy thác đã ký giữa cơ quan liên quan với Chi nhánh NHCSXH tỉnh đến ngày ban hành quy chế này.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác hằng năm để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hằng năm để bổ sung nguồn vốn ủy thác.

4. Nguồn trích quỹ: Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

5. Các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách địa phương ủy thác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

## **Chương II** **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 5.** Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

**Điều 6.** Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hằng năm để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác:

Căn cứ kế hoạch vốn được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao dự toán kinh phí ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách.

Căn cứ dự toán kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với chi nhánh NHCSXH tỉnh về việc cho vay hộ nghèo và đối tượng chính sách bằng nguồn vốn địa phương theo quy định.

Trên cơ sở hợp đồng ủy thác đã ký, Sở Tài chính thực hiện chuyển vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh bằng hình thức Lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 7.** Cơ chế cho vay:

1. Đối tượng cho vay: theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Điều kiện được vay vốn: theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Mục đích sử dụng vốn vay: theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

4. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay: theo Điều 2 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND.

5. Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có): theo quy định hiện hành của NHCSXH trong từng thời kỳ và quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có).

6. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn:

Về thẩm quyền gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn: do NHCS các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

**Điều 8. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay:**

1. NHCSXH quản lý, hạch toán và phân bổ số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Việc trích lập được thực hiện vào ngày 31/12 hằng năm hoặc theo kế hoạch quyết toán của NHCSXH. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh);

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh;

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Chi nhánh NHCSXH tỉnh nhận ủy thác từ ngân sách tỉnh. Mức trích bằng 15% số tiền lãi thu được và phân bổ như sau:

Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh: trích 7% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh.

Sở Tài chính: trích 3% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp các hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: trích 3% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác.

Các Sở, ban, ngành làm đầu mối liên quan đến các chương trình sử dụng vốn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: trích 2% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh phân bổ, trích kinh phí đối với các Sở, ban, ngành đầu mối đảm bảo đúng quy định.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng:

Chi khen thưởng đối với tập thể, cá nhân là Trưởng ban, thành viên Ban đại

diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp; các tập thể, cá nhân có liên quan có thành tích đóng góp vào hoạt động hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh, hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh và hoạt động của Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Mức chi theo quy định của Luật thi đua khen thưởng.

Chi hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ quản lý nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH tỉnh.

Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị, hàng hoá, dịch vụ,...phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát nguồn vốn ủy thác.

Chi học tập kinh nghiệm, tham quan mô hình sử dụng, quản lý vốn tại các địa phương.

Các khoản chi khác có liên quan đến công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác.

### **Điều 9. Xử lý nợ bị rủi ro**

Thực hiện theo Điều 2 Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND.

### **Điều 10. Chế độ báo cáo**

Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị, địa phương**

#### **1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh**

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn có nguồn gốc từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi NHánh NHCSXH tỉnh theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này; Thu hồi, hoàn trả đầy đủ, kịp thời vốn ủy thác theo yêu cầu của UBND tỉnh.

b) Thực hiện trích lập, phân bổ và quản lý việc sử dụng tiền lãi theo đúng quy định. Tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí sử dụng tiền lãi gửi Sở Tài chính theo quy định.

c) Chủ trì kiểm tra, đảm bảo việc cho vay vốn đúng đối tượng, người vay sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả; Thu hồi kịp thời đối với các khoản nợ đến hạn, các khoản nợ sử dụng sai mục đích; Kiểm tra, lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo Điều 10 Quy chế này.

#### **2. Sở Tài chính**

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh NHCSXH theo quy định.

b) Kiểm tra việc phân bổ tiền lãi thu được theo khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành làm đầu mối liên quan đến các chương trình sử dụng vốn ủy thác:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với NHCSXH tỉnh xây dựng kế hoạch, nhu cầu kinh phí cho vay vốn hàng năm đảm bảo đúng đối tượng theo quy định.

b) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan liên quan thẩm tra hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Rà soát, lập danh sách đối tượng thụ hưởng theo các chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ, theo các dự án, đề án, kế hoạch... đầu tư vốn của cấp có thẩm quyền.

b) Chỉ đạo việc thành lập, chấp thuận hoạt động và thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của Tổ Tiết kiệm và vay vốn.

c) Tổ chức và chỉ đạo các Phòng, ban phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội giám sát việc bình xét hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn bảo đảm dân chủ và công khai, xác nhận danh sách đề nghị vay vốn; Phối hợp với tổ chức cho vay, các tổ chức chính trị, xã hội, Tổ Tiết kiệm và vay vốn kiểm tra việc sử dụng vốn vay và đôn đốc thu hồi nợ.

d) Có ý kiến về đề nghị của Người vay đối với các trường hợp xin gia hạn nợ và xử lý rủi ro do nguyên nhân khác quan.

e). Phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh, các tổ chức chính trị, xã hội và NHCSXH mở các lớp hướng dẫn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, kiến thức về thị trường..., quy chế vay vốn, trả nợ; Tạo điều kiện cho người vay thực hiện các giao dịch với NHCSXH.

6. Trách nhiệm của người vay

a) Khai đầy đủ, trung thực các thông tin liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đã cung cấp.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ gốc, lãi vay đầy đủ, đúng kỳ hạn đã cam kết.

c) Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước và NHCSXH các cấp về việc sử dụng vốn vay.

#### Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các khoản trích lập từ tiền lãi thu được chưa phân bổ thì thực hiện phân bổ theo quy định tại Quy chế này; Đối với các khoản tiền lãi đã phân bổ, đơn vị chưa sử dụng (nếu có) được tiếp tục sử dụng theo quy định tại Quy chế này.

2. Đối với các các khoản vay đang thực hiện cho vay theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (cũ) và Yên Bái (cũ) Chi nhánh NHCSXH tỉnh tiếp tục quản lý và thực hiện theo Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để phối hợp nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo việc quản lý, sử dụng vốn ủy thác đúng mục đích, có hiệu quả.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.